

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS - ST
Ngày: 30- 8- 2023.
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Hoàng Đức Thịnh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang L
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 2 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960. Địa chỉ: K, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo giấy ủy quyền ngày 17 tháng 2 năm 2023. Có mặt

- Bị đơn:

1. Anh Lê Hoàng Vĩnh T, sinh năm 1988. Hiện đang chấp hành án tại đội 27, phân trại số 2 Trại giam X, đóng tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai:*

Chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T là người ở cùng khối B, phường Q, thị xã H, nên quen biết nhau và T nhiều lần vay tiền của chị H để chi tiêu. Năm 2020 và năm 2021 Lê Hoàng Vĩnh T nhiều lần vay tiền của chị H, những lần vay với số tiền từ 30 triệu đồng trở xuống thì chị H không yêu cầu T viết giấy vay tiền và sau khi vay, hàng tháng T đã trả đầy đủ số tiền vay đó qua tài khoản của chị H (đối với các lần vay không viết, không ký giấy vay tiền).

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 (âm lịch), tương ứng với ngày 02/02/2021 dương lịch. Lê Hoàng Vĩnh T đã đến nhà chị H cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu CU 154034 đứng tên Lê Hoàng Vĩnh T là giấy tờ giả để vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Chị H không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Hoàng Vĩnh T là giấy tờ giả nên đã giao tiền cho T vay 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận đủ tiền vay, T đã ký giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.000 đồng/triệu đồng/ngày (tương ứng 3,0 %/tháng), thời hạn trả nợ: sau 30 ngày kể từ ngày tiền. Ngoài ra tại mặt sau của giấy vay nợ T1 còn viết giấy bán đất để làm tin.

Đến hạn trả nợ, ngày 02/03/2021, chị H đã yêu cầu T trả tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng T xin khất nợ và hẹn khi bán được đất sẽ trả cả gốc và lãi.

Sau đó, từ tháng 3 năm 2021 trở về sau, mỗi lần cần tiền chi tiêu cá nhân, T đến vay tiền chị H, chị H đã nhiều lần cho T vay số tiền ít và thời hạn trả chỉ trong mấy ngày, nên không viết giấy vay tiền và không tính lãi; T có bao nhiêu thì trả nợ cho bấy nhiêu, những lần trả tiền nợ đều trả vay qua tài khoản của chị H, chị H không nhớ chính xác số tiền vay mỗi lần, thời gian vay tiền và thời gian trả nợ vì không ghi sổ.

Đầu tháng 12/2021 chị H thấy thời gian dài mà T không bán đất để trả cho chị H tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay 650.000.000 đồng. Chị H sợ T báo mất bìa đỏ và làm lại bìa đỏ khác để bán đất mà không biết, nên đã đưa bìa đỏ do Thiên cầm vay tiền ngày 21/12/2020 (âm lịch) kiểm tra xem Thiên có báo mất và làm lại bìa không, khi đó chị H được biết bìa đỏ do Thiên cầm để vay tiền là bìa giả và T đã bán thửa đất có trong giấy chứng nhận cho người khác.

Sau khi biết được bìa đỏ là giả, đất đã bán, chị H đến nhà T, T không ở nhà và gặp mẹ đẻ của T là bà Hoàng Thị M và kể lại sự việc Thiên vay tiền chưa trả gốc và lãi cũng như cầm bìa đỏ giả cho chị H thì bà Hoàng Thị M xin trả cho chị H số tiền gốc và lãi do T nợ. Chị H nhất trí cho bà Hoàng Thị M trả nợ thay cho T. Vì vậy, bà Hoàng Thị M viết giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 âm lịch có nội dung bà Hoàng Thị M vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu

đồng) đưa cho chị H giữ và bà M lấy lại giấy vay tiền do Lê Hoàng Vĩnh T viết và ký ngày 21/12/2020 (âm lịch) và giấy biên nhận cầm đồ. Từ đó đến nay bà Hoàng Thị M và anh Lê Hoàng Vĩnh T chưa trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho chị H.

Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị M liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị H số tiền gốc vay còn nợ là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay tiền (02/02/2021) đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án, với mức lãi suất 20%/năm.

Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Hoàng Thị M liên đới trả nợ với anh Lê Hoàng Vĩnh T mà chỉ yêu cầu anh T chịu trách nhiệm trả nợ. yêu cầu anh Lê Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 02/02/2021 đến ngày 20 tháng 8 năm 2023 với mức 20%/năm = 343.199.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 993.199.000 đồng. Tiếp tục tính lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền gốc vay cho đến khi thi hành án xong.

- *Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T khai:*

Anh Lê Hoàng Vĩnh T có vay chị Đậu Thị H số tiền 650.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 21/12/2020 âm lịch là do anh T2 viết và trực tiếp ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.000 đồng/ một triệu đồng/ngày. Thời hạn vay là 30 ngày theo giấy viết sẵn nhưng sau 30 ngày chị H cũng không đòi số tiền đó và anh T vẫn có trách nhiệm trả tiền lãi hàng tháng cho chị H với số tiền lãi đã trả là 345.000.000 đồng. Đến ngày 20/12/2021 anh T bị Công an thị xã H bắt tạm giam thì chị H mới đòi số tiền này.

Số tiền 650.000.000 đồng là tổng số tiền vay ba lần khác nhau cộng dồn lại, sau mỗi lần vay thì viết giấy vay mới và hủy giất cũ đi.

Số tiền 199.000.000 đồng anh T trả qua tài khoản của chị Hiền từ ngày 09/3/2021 đến ngày 06/12/2021 là số tiền lãi cho số tiền 650.000.000 đồng.

Anh T có biết việc bà Hoàng Thị M viết giấy vay tiền trả nợ thay cho anh T, bà M không sử dụng khoản tiền vay này. Anh T không đồng ý cho bà M trả nợ thay anh T.

Anh T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H bởi đã trả số tiền lãi cho chị H số tiền 345.000.000 đồng và tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 28/12/2022 người đại diện theo ủy quyền của chị H đã nói trước phiên tòa là không đòi số tiền lãi của khoản vay.

Anh Lê Hoàng Vĩnh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Hà tỉnh X.

- *Tại bản tự khai bị đơn bà Hoàng Thị M khai:*

Anh Lê Hoàng Vĩnh T là con của bà Hoàng Thị M. Anh T có vay nợ chị Đậu Thị H số tiền 650.000.000 đồng vào ngày 21 tháng 12 năm 2020 (âm lịch) tức ngày 02/02/2021 dương lịch. Do anh T không có khả năng trả nợ nên bà M nhận trách nhiệm trả nợ thay cho anh T. Bà M có viết giấy vay tiền đề ngày 21 tháng 12 năm 2020 có nội dung là bà Hoàng Thị M vay chị Đậu Thị H số tiền 650.000.000 đồng. Chị H đưa giấy vay tiền của Lê Hoàng Vĩnh T cho bà M và bà M đưa giấy vay tiền cho chị H giữ. Từ đó đến nay không trả cho chị H khoản tiền gốc và lãi nào. Hiện nay Lê Hoàng Vĩnh T đang chấp hành án tại trại giam X. Chị H yêu cầu bà M và anh T trả nợ tiền gốc và tiền lãi nhưng vì điều kiện và sức khỏe không có khả năng trả nợ chị H. Bà M không đồng ý liên đới trả nợ với Lê Hoàng Vĩnh T vì khoản nợ này là của Lê Hoàng Vĩnh T không liên quan gì đến bà M. Bà Hoàng Thị M có đơn đề nghị xét xử và giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về chấp hành các quy định của BLTTDS:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn chấp hành quy định của BLTTDS, nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 468, 479 của BLDS; điều 9 Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC. Điều 217, 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14

Đề nghị xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Lê Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ trả cho chị Đậu Thị H số tiền gốc vay còn nợ là 560.758.000 đồng. tiền lãi suất là 193.986.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 754.744.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị H đối với bà Hoàng Thị M.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chị H phải chịu án phí đối với phần vượt quá không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại khối B, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, hiện đang chấp hành án tại đội 27, phân trại số 2 Trại giam X, đóng tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

[2]. Bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T hiện đang chấp hành án tại đội 27, phân trại số 2 Trại giam X, đóng tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 của BLTTDS, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T và bà Hoàng Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T và bà M.

[3]. Quá trình tố tụng tại Toà án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với anh Lê Hoàng Vĩnh T số tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi suất. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà Hoàng Thị M liên đới trả nợ cùng với anh Lê Hoàng Vĩnh T số tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi suất.

[4]. Xét tính hợp pháp của giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T: Giấy vay tiền ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T sau khi chị H đưa cho bà Hoàng Thị M đã được bà M nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H và hiện bản gốc giấy vay tiền đang được lưu tại hồ sơ vụ án hình sự số 53/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022. Chị H đã được Tòa án y sao bản chính “Giấy vay tiền ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T”. Giấy vay tiền ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T bản y bản chính là chứng cứ của vụ án. Bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T khai khoản tiền vay 650.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 21 tháng 12 năm 2020 âm lịch là của ba lần khác nhau cộng dồn lại, sau mỗi lần vay thì viết giấy vay mới và hủy giất cũ đi. Tuy nhiên, anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ và chị H không thừa nhận do đó không có căn cứ để xác định khoản vay ngày 21/12/2020 là của ba khoản vay cộng lại. Giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 (âm lịch) chữ viết trong giấy vay tiền do anh T viết và ký tên người vay Lê Hoàng Vĩnh T tự nguyện, không bị ép buộc. Căn cứ vào Điều 117 và Điều 463 của BLDS, Giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 (âm lịch) giữa chị

Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T là hợp đồng vay tài sản hợp pháp, các bên phải tuân thủ các cam kết trong hợp đồng.

[5]. Về thời hạn trả tiền gốc và lãi của giấy vay tiền ngày 21/12/2020 giữa chị H và anh T: theo thỏa thuận trong giấy vay tiền có nội dung “Ngày trả tiền lãi còn thiếu: Sau 30 ngày kể từ ngày vay tiền. Đây là hợp đồng vay có thời hạn...”. Đây là nội dung được đánh máy sẵn trong giấy vay tiền. Bản thân chị H cũng khai nhận đến ngày trả nợ theo giấy vay tiền chị cũng chưa đòi Lê Hoàng Vĩnh T nhưng T khát nợ do dịch bệnh. Đến khi biết Lê Hoàng Vĩnh T bị Công an thị xã H tạm giữ thì chị H mới yêu cầu T trả toàn bộ số tiền 650.000.000 đồng và tiền lãi suất. Điều này phù hợp với lời khai của anh T rằng đến thời hạn 30 ngày nhưng chị H không đòi số tiền đó và T vẫn có trách nhiệm trả tiền lãi cho chị H. Hội đồng xét xử xác định giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 giữa chị Đậu Thị H và anh Lê Hoàng Vĩnh T là hợp đồng vay tài sản có thời hạn.

[6]. Về lãi suất các bên thỏa thuận của khoản vay: Tại giấy vay tiền đề ngày 21/12/2020 giữa chị H và anh T có nội dung “Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, mức lãi suất do bên A và bên B cùng người bảo lãnh thỏa thuận bằng miệng”. Theo đó chị H và anh T thống nhất lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 1.000 đồng/ngày/triệu đồng tương ứng với mức 36%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.”. Theo đó lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, phần vượt quá không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nay nguyên đơn yêu cầu lãi suất của khoản vay là 20%/năm phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7]. Về số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn: Quá trình điều tra giải quyết vụ án hình sự số 53/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 chị Đậu Thị H có yêu cầu anh Lê Hoàng Vĩnh T trả số tiền vay và tiền lãi suất. Theo đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã thu thập thông tin giao dịch tài khoản ngân hàng số 51510000306065 của chị Đậu Thị H tại ngân hàng Đ chi nhánh P Diễn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021 theo đó anh T nhiều lần chuyển tiền cho chị H. Bị đơn anh T cho rằng anh T đã trả cho chị H được số tiền lãi 345.000.000 đồng. Tuy nhiên anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh những khoản tiền chuyển cho chị H trước ngày 21/12/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 02/02/2021 là tiền lãi của khoản vay 650.000.000 đồng. Chị H không thừa nhận khoản vay 650.000.000 đồng ngày 21/12/2020 âm lịch là của ba lần vay trước đó cộng lại. Do đó không có căn cứ chấp nhận những lần chuyển tiền trước ngày 02/02/2021 là số tiền anh T trả lãi cho chị H.

[8]. Từ ngày 21/12/2020 âm lịch tương ứng với ngày 02/02/2021 dương lịch anh Lê Hoàng Vĩnh T đã chuyển tiền vào số tài khoản ngân hàng số 51510000306065 của chị Đậu Thị H tại ngân hàng Đ chi nhánh P1 cụ thể: ngày 09/3/2021 trả 20.000.000 đồng; ngày 24/3/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 05/4/2021 trả 8.000.000 đồng; ngày 20/4/2021 trả 15.000.000 đồng; ngày 07/5/2021 trả 15.000.000 đồng; ngày 18/5/2021 trả 15.000.000 đồng; ngày 07/6/2021 trả 11.000.000 đồng; ngày 25/6/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 03 tháng 7 năm 2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 22/7/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 30/7/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 15/8/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 13/9/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 18/10/2021 trả 15.000.000 đồng; ngày 03/11/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 16/11/2021 trả 10.000.000 đồng; ngày 06/12/2021 trả 10.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chuyển tính từ ngày 02/02/2021 đến ngày 06/12/2021 là 199.000.000 đồng. Nguyên đơn chị H cho rằng những khoản tiền anh T chuyển cho chị H là trả những khoản vay chi tiêu cá nhân anh T vay không có giấy vay nợ. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng với mức lãi suất 3%/tháng thì mỗi tháng anh T sẽ trả tiền lãi là 19.500.000 đồng nhưng có tháng anh T đã trả hơn số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy chị H cho anh T vay số tiền 650.000.000 đồng đến hạn anh T không trả tiền gốc và tiền lãi mà chị H lại tiếp tục cho vay nhiều lần với tổng số tiền 199.000.000 đồng là không hợp lý. Đồng thời chị H không cung cấp được tài liệu chứng minh ngoài khoản vay 650.000.000 đồng, anh T còn vay khoản tiền nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền 199.000.000 đồng là số tiền anh T đã trả lãi của khoản vay 650.000.000 đồng ngày 21/12/2020 (âm lịch). Từ ngày 02/2/2021 dương lịch đến ngày 06/12/2021 là 10 tháng 4 ngày, anh T phải số tiền lãi với mức 20%/năm = 109.758.000 đồng. Số tiền lãi anh T trả vượt quá là 89.242.000 đồng. Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định “số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi”. Số tiền lãi trả vượt quá 89.242.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 650.000.000 đồng. Số tiền gốc anh T còn nợ chị H tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày 30/8/2023 là 650.000.000 đồng – 89.242.000 đồng = 560.758.000 đồng.

[9]. Về số tiền lãi tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày 30/8/2023: 560.758.000 đồng x 20%/năm x 20 tháng 23 ngày = 193.986.000 đồng.

[10]. Tổng số tiền gốc và lãi anh Lê Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ trả cho chị Đậu Thị H tính đến ngày 30/8/2023 là: 560.758.000 đồng + 193.986.000 đồng = 754.744.000 đồng.

[11]. Phần yêu cầu của nguyên đơn chị Đậu Thị H không được chấp nhận là 993.199.000 đồng - 754.744.000 đồng = 238.455.000 đồng

[12]. Về án phí: Bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.189.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 11.922.000 đồng.

[13]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147; điểm a khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 244 của BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14;

- Căn cứ Điều 5, Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đậu Thị H số tiền tính đến ngày 30/8/2023 cụ thể: số tiền gốc là 560.758.000 đồng và tiền lãi suất là 193.986.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 754.744.000 đồng (bảy trăm năm tư triệu, bảy trăm bốn bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Hoàng Thị M liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T.

4. Về án phí: Bị đơn anh Lê Hoàng Vĩnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.189.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 11.922.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

19.500.000 đồng, theo biên lai số 0003693 ngày 20/2/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai. Hoàn trả cho chị Đậu Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 7.578.000 đồng (bảy triệu năm trăm bảy tám nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An.
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Lĩnh